

Số: 19 /2025/QĐ-UBND

Hà Giang, ngày 05 tháng 3 năm 2025

### QUYẾT ĐỊNH

Quy định mức tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất; đơn giá thuê đất xây dựng công trình ngầm, đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Hà Giang

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

Thực hiện Nghị quyết số 144/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang thông qua mức tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất; đơn giá thuê đất xây dựng công trình ngầm, đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Hà Giang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

### QUYẾT ĐỊNH:

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

##### 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định mức tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất; đơn giá thuê đất xây dựng công trình ngầm, đất có mặt nước áp dụng trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

##### 2. Đối tượng áp dụng

- Cơ quan nhà nước thực hiện việc quản lý, tính, thu tiền thuê đất.
- Người sử dụng đất theo quy định tại Điều 4 Luật Đất đai được Nhà nước cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, gia hạn sử dụng đất, điều chỉnh thời hạn sử dụng đất, điều chỉnh quyết định cho thuê đất, điều chỉnh quy hoạch chi tiết, cho phép chuyển hình thức sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất mà thuộc trường hợp phải nộp tiền thuê đất.
- Các đối tượng khác liên quan đến việc tính, thu, nộp, quản lý tiền thuê đất.



## **Điều 2. Mức tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất; đơn giá thuê đất xây dựng công trình ngầm, đất có mặt nước**

1. Mức tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất đối với trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm không thông qua hình thức đấu giá.

a) Tại thành phố Hà Giang:

- Các phường là 1,5 %.

- Các xã có vị trí đã được phân loại đường phố hoặc khu vực 1, vị trí 1 theo Bảng giá đất chi tiết trên địa bàn tỉnh Hà Giang là 1,2%.

- Các khu vực còn lại thuộc xã là 1%.

b) Đối với các huyện còn lại:

- Khu vực thị trấn; Khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy; khu cụm, công nghiệp là 1%.

- Khu vực các xã có vị trí đã được phân loại đường phố hoặc khu vực 1, vị trí 1 theo Bảng giá đất chi tiết trên địa bàn tỉnh Hà Giang 0,7%.

- Các khu vực còn lại của xã là 0,5%.

2. Đơn giá thuê đất xây dựng công trình ngầm

a) Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm, đơn giá thuê đất được tính bằng 30% của đơn giá thuê đất trên bề mặt với hình thức thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm có cùng mục đích sử dụng đất.

b) Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê, đơn giá thuê đất được tính bằng 30% của đơn giá thuê đất trên bề mặt với hình thức thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê có cùng mục đích sử dụng và thời hạn sử dụng đất.

3. Đơn giá thuê đất có mặt nước

Đối với phần diện tích đất có mặt nước: Đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm, đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê được tính bằng 50% của đơn giá thuê đất hằng năm hoặc đơn giá thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê của loại đất có vị trí liền kề với giá định có cùng mục đích sử dụng đất và thời hạn sử dụng đất với phần diện tích đất có mặt nước.

## **Điều 3. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2025 và thay thế Quyết định số 08/2017/QĐ-UBND ngày 22 tháng 5 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang ban hành mức tỷ lệ phần trăm (%) để xác định đơn giá cho thuê đất, thuê mặt nước trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (thực hiện);
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH khóa XIV tỉnh Hà Giang;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Công giao tiếp điện tử tỉnh;
- Trung tâm Thông tin - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Phan Huy Ngọc

